TÒA ÁN NHÂN DÂN TP.NHA TRANG
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **148**/2017/HNGĐ–ST
Ngày: 09/8/2017.
V/v tranh chấp:"Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Thủy**
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lưu Văn Có**
Ông **Trần Huy Liên**
- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Văn Tuân** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
- Đại diện VKSND thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Thanh Bình** – Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 626/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2017/QĐXX-ST ngày 18 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn***: **HUỲNH THỊ HỒNG Q** – Sinh năm 1980
Địa chỉ: Tổ 19, TP, VP, Nha Trang, Khánh Hòa. Có mặt.

*** *Bị đơn:*** Ông **LÂM THÀNH T** – Sinh năm 1973
Địa chỉ: Tổ 19, TP, VP, Nha Trang, Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- ***Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/5/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Hồng Q trình bày***: Chúng tôi kết hôn vào năm 2005 tại UBND phường VP, Nha Trang, Khánh Hòa do hai bên hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình chung sống, chúng tôi đã phát sinh mâu thuẫn xuất phát từ những lý do sau: Tình yêu không tồn tại; không có trách nhiệm đóng góp tiền hàng tháng; khinh thường, thiếu tôn trọng dẫn đến mâu thuẫn sâu sắc với gia đình vợ; không tìm thấy sự thoải mái, hạnh phúc trong sinh hoạt tình dục. Bản thân tôi đã cố gắng chịu đựng và tìm cách khuyên nhủ nhưng vẫn không được. Nay tình cảm không còn nữa nên nay tôi xin được ly hôn ông T.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Lâm Minh Th – sinh ngày 21/10/2006. Nếu ly hôn, tôi xin được chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Th. Tôi yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000đ/tháng cho đến khi cháu Th 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu.

Theo bản tự khai ông Lâm Thành T trình bày: Tôi thống nhất về thời gian cũng như điều kiện kết hôn đúng như lời trình bày của bà Q. Tôi thừa nhận trong cuộc sống chung vợ chồng bản thân tôi cũng có một phần lỗi nhưng chưa đến mức trầm trọng phải ly hôn. Nay bà Q xin ly hôn, tôi không đồng ý vì tôi vẫn còn thương vợ con. Tôi mong Tòa tạo điều kiện cho tôi được đoàn tụ để có điều kiện sửa chữa những lỗi lầm.

Về con chung: Nếu ly hôn, tôi đồng ý giao cháu Th cho bà Q chăm sóc, nuôi dưỡng. Tôi cấp dưỡng 1.500.000đ/tháng cho đến khi cháu Th 18 tuổi.

***Tài sản chung*:** Không yêu cầu giải quyết phần tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

***Về tố tụng*:** Tại phiên tòa vắng mặt ông T lần thứ hai không có lý do nên Tòa xét xử theo quy định chung.

***Về nội dung*:** Tại phiên tòa, bà Q vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với ông T vì tình cảm vợ chồng không còn. Ông T không đồng ý.

Xét: Bà Q và ông T kết hôn vào năm 2005 tại UBND phường VP, Nha Trang, Khánh Hòa do hai bên hoàn toàn tự nguyện. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo lời khai của bà Q thì trong cuộc sống chung vợ chồng, bản thân ông T coi thường, không tôn trọng gia đình vợ; không có trách nhiệm đối với kinh tế gia đình dẫn đến tình yêu không tồn tại. Theo bản tự khai, ông T cũng thừa nhận những khuyết điểm nêu trên nhưng ông xin được đoàn tụ để có điều kiện sửa chữa khuyết điểm. Tuy nhiên, bà Q không đồng ý đoàn tụ vì bà cho rằng hiện nay bà và ông T không hề có tiếng nói chung, cụ thể là con gái ngại mỗi lần tiếp xúc với bố, không muốn về nhà mỗi lần vắng mẹ. Bản thân bà đã bị lãnh cảm trong quan hệ vợ chồng. Đồng thời tại các phiên tòa ông T vắng mặt không có lý do thể hiện sự bỏ mặc nên có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà Q và ông T là có thật, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Q là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Về con chung:

Bà Q và ông T đều xác định có 01 con chung là cháu Lâm Minh Th – sinh ngày 21/10/2006. Theo bản tự khai ông T cũng đồng ý giao con chung cho bà Q nuôi dưỡng và ông cấp dưỡng 1.500.000đồng/tháng. Sự tự nguyện của ông T phù hợp với nguyện vọng của bà Q và cháu Th nên cần chấp nhận yêu cầu của bà Q về con chung cũng như tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha trang đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Q.

Án phí: Bà Huỳnh Thị Hồng Q phải nộp 300.000đ án phí ST-HNGĐ**.**

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Huỳnh Thị Hồng Q.

1/ ***Về quan hệ hôn nhân*:.**

Bà Huỳnh Thị Hồng Q được ly hôn ông Lâm Thành T.

2/ ***Về con chung***: Giao cháu Lâm Minh Th – sinh ngày 21/10/2006 cho bà Huỳnh Thị Hồng Q được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến tuổi trưởng thành. Ông Lâm Thành T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000đ/tháng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu Th tròn 18 tuổi. Ông T được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc và nuôi dưỡng con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3/ ***Về tài sản chung***: Không yêu cầu.

4/ ***Án phí***: Bà Huỳnh Thị Hồng Q phải nộp 300.000đ án phí ST-HNGĐ nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006887 ngày 07/06/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Nha Trang. Như vậy, bà Q đã nộp xong tiền án phí ST.

Ông Lâm Thành T phải nộp 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Quy định chung: *Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.*

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Quyền kháng cáo*:** Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

***Nơi nhận*:**
- *Tòa án ND tỉnh Khánh Hòa;*
- *Viện KSND TP. Nha Trang*
- *Thi hành án dân sự TP. Nha Trang;*
- *UBND phường VP.*
- *Các đương sự;*
- *Lưu án văn, hồ sơ.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

NGUYỄN THỊ BÍCH THỦY